

Số: 3251/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Công văn số 2823/UBND-KT ngày 19/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc tiếp nhận cơ sở nhà, đất của Bộ Tài chính trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 11025/BTC-KHTC ngày 18/7/2025 của Bộ Tài chính về việc bố trí, sắp xếp xử lý trụ sở khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Tờ trình số 31/TTr-CT ngày 10/6/2025 về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý nhà, đất của Chi cục Thuế khu vực IX và Công văn số 2580/CT-TVQT ngày 21/7/2025 về việc báo cáo cơ sở nhà đất ngành Thuế theo Công văn số 737/KHTC-TS ngày 11/7/2025 của Cục Thuế;

Căn cứ Công văn số 15576/CHQ-TVQT ngày 22/7/2025 và Công văn số 17898/CHQ-TVQT ngày 06/8/2025 của Cục Hải quan về việc phương án sắp xếp nhà, đất của Chi cục Hải quan khu vực VII;

Căn cứ Công văn số 9150/KBNN-TVQT ngày 05/8/2025 và Công văn số 10247/KBNN-TVQT ngày 22/9/2025 của Kho bạc Nhà nước về việc đề nghị chuyển giao trụ sở làm việc KBNN Mường Lay (cũ) nay thuộc phòng giao dịch số 1, Kho bạc Nhà nước khu vực X về địa phương quản lý, xử lý;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển giao 03 cơ sở nhà, đất từ Bộ Tài chính về Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên quản lý, xử lý, theo quy định gồm:

1. Cơ sở nhà, đất là trụ sở của Thuế cơ sở 2 thuộc Thuế tỉnh Điện Biên (trước đây là đội Thuế xã Phì Nhừ thuộc Chi cục Thuế huyện Điện Biên Đông, Cục Thuế tỉnh Điện Biên) tại xã Xa Dung (trước đây là xã Phì Nhừ, huyện Điện Biên Đông), tỉnh Điện Biên (*Chi tiết danh mục tài sản chuyển giao theo Phụ lục I đính kèm*).

2. Cơ sở nhà, đất là trụ sở Chi cục Hải quan khu vực VII (trước đây là Cục Hải quan tỉnh Điện Biên) tại số 882 đường Võ Nguyên Giáp, phường Điện Biên (trước đây là phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên), tỉnh Điện Biên (*Chi tiết danh mục tài sản chuyển giao theo Phụ lục II đính kèm*).

3. Cơ sở nhà, đất là trụ sở phòng giao dịch số 1, thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực X (trước đây là Kho bạc Nhà nước Mường Lay, thuộc Kho bạc Nhà nước Điện Biên) tại Phường Mường Lay (trước đây là khu tái định cư phường Sông Đà, thị xã Mường Lay), tỉnh Điện Biên (*Chi tiết danh mục tài sản chuyển giao theo Phụ lục III đính kèm*).

Lý do chuyển giao: Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng.

Điều 2. Cục Thuế, Cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận, hạch toán tăng, giảm tài sản và quản lý, sử dụng nhà, đất theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo việc quản lý, sử dụng minh bạch, đúng quy định của pháp luật, lợi ích của Nhà nước; tránh thất thoát, lãng phí.

Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định; chi trả các chi phí liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản (nếu có); đồng thời, hoàn thiện các thủ tục hành chính về đất đai theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Trưởng Thuế tỉnh Điện Biên, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực VII, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./rml*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Cục QLCS (để biết);
- Sở Tài chính tỉnh Điện Biên;
- Lưu: VT, KHTC (05b). *ln*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Tâm

BỘ TÀI CHÍNH**Phụ lục I**

DANH MỤC TÀI SẢN CHUYỂN GIAO
TỪ THUẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN (TRƯỚC ĐÂY LÀ CỤC THUẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN)
VỀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN QUẢN LÝ, XỬ LÝ
(Kèm theo Quyết định số 3251/QĐ-BTC ngày 23 / 9 /2025 của Bộ Tài chính)

STT	Tên tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Cơ sở nhà, đất xã Pồ Nhừ thuộc Thuế cơ sở 2, thuộc Thuế tỉnh Điện Biên (trước đây là đội Thuế xã Pồ Nhừ, thuộc Chi cục Thuế huyện Điện Biên Đông, Cục Thuế tỉnh Điện Biên) Địa chỉ: bản Suối Lư, xã Xa Dung (trước đây là xã Pồ Nhừ, huyện Điện Biên Đông), tỉnh Điện Biên									
1	Đất		m ²	392,8	2006	169.600.000	169.600.000	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
2	Nhà		m ²	80,0		168.621.926	0			
2.1	Nhà làm việc cấp 3		m ²	80,0	1995	168.621.926	0			
	Tổng cộng					338.221.926	169.600.000			

Ghi chú:

- Diện tích đất theo Công văn số 9784/BTC-QI.CS ngày 20/7/2012 và Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 01/8/2012 của Bộ Tài chính về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước do Bộ Tài chính quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 320 m²
- Diện tích đất theo GCN quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 549889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên cấp ngày 30/7/2014 là 392,8 m², chênh lệch 72,8m² so với diện tích đất theo Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 01/8/2012 và Công văn số 9784/BTC-QLCS ngày 20/7/2012 của Bộ Tài chính là 320m². Nguyên nhân là do đơn vị và địa phương đã thực hiện việc đo đạc lại khi làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Diện tích đất đơn vị đang theo dõi trên sổ sách là 392,8 m² là lấy theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục II
DANH MỤC TÀI SẢN CHUYỂN GIAO
TỪ CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC VII (TRƯỚC ĐÂY LÀ CỤC HẢI QUAN TỈNH ĐIỆN BIÊN)
VỀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN QUẢN LÝ, XỬ LÝ
(Kèm theo Quyết định số 3251/QĐ-BTC ngày 23 / 9 /2025 của Bộ Tài chính)

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Trụ sở Chi cục Hải quan khu vực VII (trước đây là Cục Hải quan tỉnh Điện Biên cũ) Địa chỉ: Số 882, đường Võ Nguyên Giáp, phường Điện Biên (trước đây là địa chỉ số 882, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên), tỉnh Điện Biên									
I	Đất			1.650		42.575.000.000	42.575.000.000	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
1	Đất	Đất	m2	1.650	2006	42.575.000.000	42.575.000.000			
II	Nhà			6.022		62.802.111.694	53.684.218.285			
1	Nhà làm việc (09 tầng nổi +01 tầng hầm)	Nhà	m2	5.592	2018	60.476.413.324	52.009.715.459			
2	Nhà công vụ (02 tầng)	Nhà	m2	430	2018	2.325.698.370	1.674.502.826			
III	Công trình khác gắn liền với đất					2.363.022.800	1.450.851.470			
1	Các hạng mục phụ trợ (Cổng, tường rào, sân đường nội bộ, bể)		Cái		2018	2.119.841.800	1.377.897.170			
2	Hệ thống trạm biến áp và đường dây trung thế	Công trình	m2	240	2018	243.181.000	72.954.300			
IV	TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC			167		12.231.045.000	437.200.000			
1	Biển biểu Đảng Cộng Sản Việt Nam (6.2m)		Cái	1	2017	27.900.000	0			
2	Bàn quay lễ tân		Cái	1	2017	66.500.000	0			
3	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
4	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
5	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
6	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
7	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
8	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
9	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
11	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
12	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
13	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
14	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
15	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
16	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
17	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
18	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
19	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
20	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
21	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
22	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
23	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
24	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 18000BTU/h)		Cái	1	2017	22.000.000	0			
25	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
26	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
27	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
28	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
29	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
30	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
31	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
32	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
33	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
34	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
35	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
36	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
37	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
38	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
39	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
40	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
41	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
42	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
43	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
44	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
45	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
46	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
47	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
48	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
49	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
50	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
51	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
52	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
53	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
54	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
55	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
56	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
57	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
58	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
59	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
60	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
61	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
62	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
63	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
64	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
65	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
66	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
67	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
68	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
69	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
70	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
71	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
72	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
73	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
74	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
75	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
76	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
77	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
78	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
79	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
80	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
81	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
82	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
83	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
84	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
85	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 21000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
86	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 24000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
87	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 24000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
88	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 24000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
89	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 24000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
90	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 24000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
91	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 24000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
92	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 24000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
93	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 24000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
94	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 24000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
95	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 24000BTU/h)		Cái	1	2017	27.500.000	0			
96	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 28000BTU/h)		Cái	1	2017	30.800.000	0			
97	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 28000BTU/h)		Cái	1	2017	30.800.000	0			
98	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 28000BTU/h)		Cái	1	2017	30.800.000	0			
99	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 32000BTU/h)		Cái	1	2017	34.100.000	0			
100	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 32000BTU/h)		Cái	1	2017	34.100.000	0			
101	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 32000BTU/h)		Cái	1	2017	34.100.000	0			
102	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 32000BTU/h)		Cái	1	2017	34.100.000	0			
103	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 32000BTU/h)		Cái	1	2017	34.100.000	0			
104	Điều hòa Âm trần (indoor cassette 32000BTU/h)		Cái	1	2017	34.100.000	0			
105	Lưu điện 2000 VA-1200W		Cái	1	2017	17.380.000	0			
106	Lưu điện 2000 VA-1200W		Cái	1	2017	17.380.000	0			
107	Lưu điện 2000 VA-1200W		Cái	1	2017	17.380.000	0			
108	Lưu điện 2000 VA-1200W		Cái	1	2017	17.380.000	0			
109	Lưu điện 2000 VA-1200W		Cái	1	2017	17.380.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
110	Lưu điện 2000 VA-1200W		Cái	1	2017	17.380.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
111	Lưu điện 2000 VA-1200W		Cái	1	2017	17.380.000	0			
112	Lưu điện 2000 VA-1200W		Cái	1	2017	17.380.000	0			
113	Lưu điện 2000 VA-1200W		Cái	1	2017	17.380.000	0			
114	Đầu ghi hình camera IP 32 kênh Samsung 2010P		Cái	1	2017	230.000.000	0			
115	Camera IP Speed Dome hồng ngoại 2.0 Megapixel samsung SNP-162321P		Cái	1	2017	49.500.000	0			
116	Cammera IP bán cầu Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
117	Cammera IP bán cầu Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
118	Cammera IP bán cầu Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
119	Cammera IP bán cầu Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
120	Cammera IP bán cầu Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
121	Cammera IP bán cầu Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
122	Cammera IP bán cầu Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
123	Cammera IP bán cầu Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
124	Cammera IP bán cầu Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
125	Cammera thân hồng ngoại ngoài trời Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
126	Cammera thân hồng ngoại ngoài trời Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
127	Cammera thân hồng ngoại ngoài trời Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
128	Cammera thân hồng ngoại ngoài trời Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
129	Cammera thân hồng ngoại ngoài trời Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
130	Cammera thân hồng ngoại ngoài trời Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	45.320.000	0			
131	Cammera thân hồng ngoại ngoài trời Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
132	Cammera thân hồng ngoại ngoài trời Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
133	Camnera thân hồng ngoại ngoài trời Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			
134	Cammera thân hồng ngoại ngoài trời Full HD Samsung XNO - 6020RP		Cái	1	2017	44.000.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
135	Phần mềm quản lý camera		PM	1	2017	75.200.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
136	Màn hình giám sát 32 inch- độ phân giải HD		Cái	1	2017	19.250.000	0			
137	Bộ điều khiển trung tâm hỗ trợ sẵn 6 vùng		Bộ	1	2017	23.100.000	0			
138	Bộ khuếch đại âm thanh 480W Điện áp: 230VAC+-10%, 50/60Hz		Bộ	1	2017	23.500.000	0			
139	Bộ khuếch đại âm thanh 480W Điện áp: 230VAC+-10%, 50/60Hz		Bộ	1	2017	23.500.000	0			
140	Tủ thiết bị Rack 27U âm thanh chuyên dụng		Cái	1	2017	32.000.000	0			
141	Wifi 3 râu độ phủ sóng bán kính 30m		Cái	1	2017	16.000.000	0			
142	Wifi 3 râu độ phủ sóng bán kính 30m		Cái	1	2017	16.000.000	0			
143	Wifi 3 râu độ phủ sóng bán kính 30m		Cái	1	2017	16.000.000	0			
144	Máy trạm biến áp Kios 560kVA-22/0.4kV		Cái	1	2017	1.305.205.000	0			
145	Máy phát điện dự phòng 500KVA		Cái	1	2019	1.748.800.000	437.200.000			
146	Công tơ điện tử 3 pha, 380/220V		Cái	1	2017	22.000.000	0			
147	Công tơ điện tử 3 pha, 380/220V		Cái	1	2017	22.000.000	0			
148	Chống sét 22kV-10KA		Cái	1	2018	30.000.000	0			
149	Máy bơm bù áp công suất 6m3/h.94mh,3Kw		Cái	1	2017	140.000.000	0			
150	Máy bơm chìm Q=2m3/h,H=30m, P=1,0KW		Cái	1	2017	11.000.000	0			
151	Máy bơm chìm Q=5m3/h,H=50m, P=3,0KW		Cái	1	2017	22.000.000	0			
152	Máy bơm chìm Q=6m3/h,H=12,5m, P=1,5KW		Cái	1	2017	22.000.000	0			
153	Máy bơm chìm Q=6m3/h.H=12,5m, P=1,5KW		Cái	1	2017	22.000.000	0			
154	Máy bơm nước phòng cháy chữa cháy công suất 50HP - 37Kw. Điện áp 380V		Cái	1	2017	462.500.000	0			
155	Máy bơm nước phòng cháy chữa cháy công suất 50HP - 37Kw. Điện áp 380V		Cái	1	2017	462.500.000	0			
156	Thang máy tải khách có phòng cháy, tải trọng 750kg		Cái	1	2017	1.698.000.000	0			
157	Thang máy tải khách có phòng cháy, tải trọng 750kg		Cái	1	2017	1.698.000.000	0			
158	Tủ trung bày		Cái	1	2017	19.450.000	0			
159	Tủ trung bày		Cái	1	2017	19.450.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
160	Tủ trưng bày		Cái	1	2017	19.450.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
161	Hệ thống hút mùi treo tường		HT	1	2017	32.900.000	0			
162	Tủ bếp		Cái	1	2018	49.500.000	0			
163	Điều hòa treo tường 1200BTU/h		Bộ	1	2017	15.950.000	0			
164	Điều hòa treo tường 1200BTU/h		Bộ	1	2017	15.950.000	0			
165	Điều hòa treo tường 1200BTU/h		Bộ	1	2017	15.950.000	0			
166	Điều hòa treo tường 1200BTU/h		Bộ	1	2017	15.950.000	0			
167	Bức tượng Bức		Cái	1	2017	14.800.000	0			
V	CÔNG CỤ DỤNG CỤ			387		991.526.000	0			
1	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
2	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
3	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
4	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
5	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
6	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
7	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
8	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
9	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
10	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
11	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
12	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
13	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
14	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
15	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
16	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
17	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
18	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
19	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
20	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
21	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
22	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
23	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
24	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
25	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
26	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
27	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
28	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
29	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
30	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
31	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
32	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
33	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
34	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
35	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
36	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
37	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
38	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
39	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
40	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
41	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
42	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
43	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
44	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
45	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
46	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
47	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
48	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
49	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
50	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
51	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
52	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
53	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
54	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
55	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
56	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
57	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
58	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
59	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
60	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
61	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
62	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
63	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
64	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
65	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
66	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
67	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
68	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
69	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
70	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
71	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
72	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
73	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
74	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
75	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
76	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
77	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
78	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
79	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
80	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
81	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
82	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
83	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
84	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
85	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
86	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
87	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
88	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
89	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
90	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
91	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
92	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
93	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
94	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			
95	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
96	Ghế loại 2 (bao gồm cả bàn viết kèm theo)Hòa Phát -TC02B		Cái	1	2017	5.500.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
97	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
98	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
99	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
100	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
101	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
102	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
103	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
104	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
105	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
106	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
107	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
108	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
109	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
110	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
111	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
112	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
113	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
114	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
115	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
116	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
117	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
118	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
119	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
120	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
121	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
122	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
123	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
124	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
125	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
126	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
127	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
128	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
129	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
130	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
131	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
132	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
133	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
134	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
135	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
136	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
137	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
138	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
139	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
140	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
141	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
142	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
143	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
144	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
145	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
146	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
147	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
148	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
149	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
150	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
151	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
152	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
153	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
154	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
155	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
156	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
157	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
158	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
159	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
160	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
161	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
162	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
163	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
164	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
165	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
166	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
167	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
168	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
169	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
170	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
171	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
172	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			
173	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
174	Loa âm trần 3-6W		Cái	1	2017	990.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
175	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
176	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
177	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
178	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
179	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
180	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
181	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
182	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
183	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
184	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
185	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
186	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
187	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
188	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
189	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
190	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
191	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
192	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
193	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
194	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
195	Loa hộp gắn tường 6W		Cái	1	2017	2.000.000	0			
196	Micro thông báo		Cái	1	2017	3.850.000	0			
197	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
198	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
199	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
200	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
201	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
202	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
203	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
204	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
205	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
206	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
207	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
208	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
209	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
210	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
211	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
212	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
213	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
214	Biển WC Nam, Nữ nhà 9 tầng:		Cái	1	2017	760.000	0			
215	Biển chỉ dẫn khu vệ sinh nhà		Cái	1	2017	1.850.000	0			
216	Biển chỉ dẫn khu vệ sinh nhà		Cái	1	2017	1.850.000	0			
217	Biển chỉ dẫn khu vệ sinh nhà		Cái	1	2017	1.850.000	0			
218	Biển chỉ dẫn khu vệ sinh nhà		Cái	1	2017	1.850.000	0			
219	Biển chỉ dẫn khu vệ sinh nhà		Cái	1	2017	1.850.000	0			
220	Biển chỉ dẫn khu vệ sinh nhà		Cái	1	2017	1.850.000	0			
221	Biển chỉ dẫn khu vệ sinh nhà		Cái	1	2017	1.850.000	0			
222	Biển chỉ dẫn khu vệ sinh nhà		Cái	1	2017	1.850.000	0			
223	Biển chỉ dẫn khu vệ sinh nhà		Cái	1	2017	1.850.000	0			
224	Biển hiệu Đảng cộng sản -7.3met		Cái	1	2020	9.855.000	0			
225	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
226	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
227	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
228	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
229	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
230	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
231	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
232	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
233	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
234	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
235	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
236	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
237	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
238	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
239	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
240	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
241	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
242	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
243	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
244	Bình chữa cháy CO2		Cái	1	2023	785.000	0			
245	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
246	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
247	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
248	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
249	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
250	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
251	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			

SIT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
252	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
253	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
254	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
255	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
256	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
257	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
258	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
259	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
260	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
261	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
262	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
263	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
264	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
265	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
266	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
267	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
268	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
269	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
270	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
271	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
272	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
273	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
274	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
275	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
276	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
277	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
278	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
279	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
280	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
281	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
282	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
283	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
284	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
285	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
286	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
287	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
288	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
289	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
290	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
291	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
292	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
293	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
294	Bình chữa cháy MFZ4		Cái	1	2023	590.000	0			
295	Bộ trang phục PCCC		Cái	1	2022	2.250.000	0			
296	Bộ trang phục PCCC		Cái	1	2022	2.250.000	0			
297	Cửa xếp 323 x380		Cái	1	2019	8.589.000	0			
298	Phòng, cờ hội trường 38m2		Cái	1	2017	7.254.000	0			
299	Phòng, cờ hội trường 38m2		Cái	1	2017	7.254.000	0			
300	Rèm gỗ 7,5m2		Mét	1	2022	5.062.500	0			
301	Rèm gỗ 7,5m2		Mét	1	2022	5.062.500	0			
302	Rèm khánh tiết phòng đỏ- 8.2M2		Mét	1	2020	4.879.000	0			
303	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
304	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
305	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
306	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
307	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
308	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
309	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
310	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
311	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
312	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
313	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
314	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
315	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
316	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
317	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
318	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
319	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
320	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
321	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
322	Rèm khánh tiết phòng xanh (20 M2)		Mét	1	2020	595.000	0			
323	Tượng Bác Hồ		Cái	1	2017	3.600.000	0			
324	Tượng Bác Hồ		Cái	1	2017	3.600.000	0			
325	Tượng Bác thạch cao nhỏ		Cái	1	2020	850.000	0			
326	Bục tượng Bác		Cái	1	2020	5.500.000	0			
327	Bộ sao húa liềm		Cái	1	2017	2.400.000	0			
328	Bộ sao vàng		Cái	1	2020	1.800.000	0			
329	Lưu điện Austdoos P2000		Cái	1	2019	6.900.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
330	Lưu điện Austdoos P2000		Cái	1	2019	6.900.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
331	Ghế tiếp khách Hòa Phát - G42		Cái	1	2017	985.000	0			
332	Ghế tiếp khách Hòa Phát - G42		Cái	1	2017	985.000	0			
333	Ghế tiếp khách Hòa Phát - G42		Cái	1	2017	985.000	0			
334	Ghế tiếp khách Hòa Phát - G42		Cái	1	2017	985.000	0			
335	Ghế tiếp khách Hòa Phát - G42		Cái	1	2017	985.000	0			
336	Ghế tiếp khách Hòa Phát - G42		Cái	1	2017	985.000	0			
337	Ghế tiếp khách Hòa Phát - G42		Cái	1	2017	985.000	0			
338	Ghế tiếp khách Hòa Phát - G42		Cái	1	2017	985.000	0			
339	Ghế tiếp khách Hòa Phát - G42		Cái	1	2017	985.000	0			
340	Ghế tiếp khách Hòa Phát - G42		Cái	1	2017	985.000	0			
341	Bàn giảng viên:Hòa Phát - ATK120SK		Cái	1	2017	2.960.000	0			
342	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
343	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
344	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
345	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
346	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
347	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
348	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
349	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
350	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
351	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
352	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
353	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
354	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
355	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
356	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
357	Bàn học viên Hòa Phát - SV1250		Cái	1	2017	1.980.000	0			
358	Bàn làm việc		Cái	1	2022	5.000.000	0			
359	Bàn họp tiếp dân Hòa Phát - SVH1810CN		Cái	1	2017	5.520.000	0			
360	Bàn trưởng phòng Hòa Phát - ET 1600F		Cái	1	2017	3.510.000	0			
361	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
362	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
363	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
364	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
365	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
366	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
367	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
368	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
369	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
370	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
371	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
372	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
373	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
374	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
375	Bàn làm việc chuyên viên Hòa Phát - SVL16		Cái	1	2017	3.410.000	0			
376	Tủ đựng hồ sơ của cán bộ công chức Hòa Phát - NT 1960G		Cái	1	2017	4.900.000	0			
377	Tủ đựng hồ sơ của cán bộ công chức Hòa Phát - NT 1960G		Cái	1	2017	4.900.000	0			
378	Tủ đựng hồ sơ của cán bộ công chức Hòa Phát - NT 1960G		Cái	1	2017	4.900.000	0			
379	Tủ đựng hồ sơ của cán bộ công chức Hòa Phát - NT 1960G		Cái	1	2017	4.900.000	0			
380	Tủ đựng hồ sơ của cán bộ công chức Hòa Phát - NT 1960G		Cái	1	2017	4.900.000	0			
381	Tủ đựng hồ sơ của cán bộ công chức Hòa Phát - NT 1960G		Cái	1	2017	4.900.000	0			

STT	Tài sản	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
382	Tủ sắt đựng tài liệu có kính		Cái	1	2022	4.950.000	0	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
383	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát - DC 1350H12		Cái	1	2017	5.000.000	0			
384	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát - DC 1350H12		Cái	1	2017	5.000.000	0			
385	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát - DC 1350H12		Cái	1	2017	5.000.000	0			
386	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát - CAT 09K2		Cái	1	2017	5.000.000	0			
387	Tủ tài liệu trường phòng Hòa Phát - DC940H11		Cái	1	2017	5.000.000	0			

Ghi chú:

- Diện tích đất theo Công văn số 9784/BTC-QLCS ngày 20/7/2012 của Bộ Tài chính về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước do Bộ Tài chính quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 1.637,5 m²

- Diện tích đất theo GCN quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 308752 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên cấp ngày 05/01/2023 là 1.650 m²

- Diện tích đất đơn vị đang theo dõi trên sổ sách là 1.650 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Diện tích nhà theo Công văn số 9784/BTC-QLCS ngày 20/7/2012 của Bộ Tài chính về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước do Bộ Tài chính quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 1.281,06 m²

- Diện tích nhà theo Quyết định số 3024/QĐ-TCHQ ngày 16/10/2014 của Tổng cục Hải quan về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở Cục Hải quan tỉnh Điện Biên là 6.022 m²

- Diện tích nhà đơn vị đang theo dõi trên sổ sách là 6.022 m²

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục III
DANH MỤC TÀI SẢN CHUYỂN GIAO
TỪ KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC X (TRƯỚC ĐÂY LÀ KHO BẠC NHÀ NƯỚC ĐIỆN BIÊN)
VỀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN QUẢN LÝ, XỬ LÝ
(Kèm theo Quyết định số 3251/QĐ-BTC ngày 23/9/2025 của Bộ Tài chính)

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Cơ sở nhà, đất Phòng giao dịch số 1, thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực X (trước đây là Kho bạc Nhà nước Mường Lay, thuộc Kho bạc Nhà nước Điện Biên) Địa chỉ: Phường Mường Lay (trước đây là khu tái định cư phường Sông Đà, thị xã Mường Lay) tỉnh Điện Biên									
I	Đất	đất	m ²	2.026	2011	2.552.760.000	2.552.760.000	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
II	Nhà		m ²	1.069		10.892.096.000	4.462.614.929			
1	Nhà làm việc 3 tầng	nhà	m ²	798	2012	8.473.041.000	3.814.308.195			
2	Nhà bảo vệ		m ²	10	2012	92.225.000	24.716.296			
3	Nhà phụ trợ		m ²	190	2012	2.155.844.000	577.766.190			
4	Nhà để máy bơm, máy phát điện		m ²	21	2012	89.690.000	24.036.920			
5	Nhà để xe khách hàng		m ²	25	2012	56.896.000	15.248.128			
6	Nhà để xe nhân viên		m ²	25	2012	24.400.000	6.539.200			
III	Vật kiến trúc			6		1.906.148.000	68.510.250			
1	Bê nước ngầm	vật kiến trúc	Hệ thống	1	2012	152.245.000	68.510.250			
2	Cổng, tường rào			1	2012	515.102.000	0			
3	Cấp nước tổng thể			1	2012	122.755.000	0			
4	Cấp điện tổng thể			1	2012	288.816.000	0			
5	Kè đá			1	2012	342.307.000	0			
6	Sân bê tông, bồn hoa, cây xanh			1	2012	484.923.000	0			

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hình thức xử lý	Lý do đề nghị xử lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
IV	Tài sản khác			8		1.577.028.410	122.268.144	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Đơn vị không còn nhu cầu sử dụng	
1	Cửa kho tiền	máy móc thiết bị	cái	1	2013	71.623.000	0			
2	Hệ thống báo cháy tự động -2016		hệ thống	1	2016	98.821.000	0			
3	Hệ thống báo động kho tiền			1	2024	32.761.250	26.209.000			
4	Hệ thống thiết bị chống sét máy chủ	máy móc thiết bị	hệ thống	1	2012	85.000.300	0			
5	Mạng vi tính, điện thoại			1	2013	111.716.000	0			
6	Đường dây 22kv và trạm biến áp			1	2012	1.041.028.000	0			
7	Bàn Quay giao dịch BG 09			1	2023	106.078.860	79.559.144			
8	Kết sắt 1A		cái	1	2021	30.000.000	16.500.000			